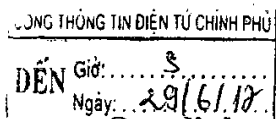


**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 15/2017/QĐ-UBND

Cà Mau, ngày 19 tháng 6 năm 2017



QUYẾT ĐỊNH

Quy định mức giá tối đa dịch vụ sử dụng cầu đường bộ do địa phương quản lý các dự án đầu tư xây dựng cầu đường bộ để kinh doanh trên địa bàn tỉnh Cà Mau

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định mức giá tối đa dịch vụ sử dụng cầu đường bộ do địa phương quản lý các dự án đầu tư xây dựng cầu đường bộ để kinh doanh trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các tổ chức, cá nhân được cơ quan có thẩm quyền ở địa phương cấp phép đầu tư xây dựng các cầu đường bộ để kinh doanh trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

2. Người đi bộ, người điều khiển phương tiện giao thông thô sơ đường bộ, phương tiện giao thông cơ giới đường bộ và các loại xe tương tự khi lưu thông qua cầu, trừ các đối tượng được quy định tại Điều 3 của Quyết định này.

Điều 3. Đối tượng được miễn giá sử dụng dịch vụ cầu đường bộ

1. Xe cứu thương; các loại xe khác đang chở người bị tai nạn đến nơi cấp cứu.
2. Xe cứu hỏa.
3. Xe máy nông nghiệp, lâm nghiệp gồm: Máy cày, máy bừa, máy xới, máy làm cỏ, máy tuốt lúa.
4. Xe hộ đê; xe đang làm nhiệm vụ khẩn cấp phòng chống lụt bão theo điều động của cấp thẩm quyền.
5. Xe chuyên dùng phục vụ quốc phòng
 - a) Xe tăng, xe bọc thép, xe kéo pháo, xe chở lực lượng vũ trang đang hành quân;
 - b) Các phương tiện cơ giới đường bộ mang biển số: Nền màu đỏ, chữ và số màu trắng dập chìm (dưới đây gọi chung là biển số màu đỏ) có gắn các thiết bị chuyên dụng cho quốc phòng (không phải là xe vận tải thùng rỗng) như: Công trình xa, cầu nâng, tời, tổ máy phát điện. Riêng xe chở lực lượng vũ trang đang hành quân được hiểu là xe ô tô chở người có từ 12 chỗ ngồi trở lên, xe ô tô tải có mui che và được lắp đặt ghế ngồi trong thùng xe, mang biển số màu đỏ (không phân biệt có chở quân hay không chở quân).
6. Xe chuyên dùng phục vụ an ninh bao gồm các loại xe quy định tại điểm a, khoản 5, Điều này và các loại xe của lực lượng công an (Công an tỉnh, Công an cấp huyện, Công an cấp xã);
 - a) Xe ô tô tuần tra kiểm soát giao thông của cảnh sát giao thông có đặc điểm: Trên nóc xe ô tô có đèn xoay và hai bên thân xe ô tô có in dòng chữ: “CẢNH SÁT GIAO THÔNG”;
 - b) Xe ô tô cảnh sát 113 có in dòng chữ: “CẢNH SÁT 113” ở hai bên thân xe;
 - c) Xe ô tô cảnh sát cơ động có in dòng chữ “CẢNH SÁT CƠ ĐỘNG” ở hai bên thân xe;
 - d) Xe ô tô của lực lượng công an đang thi hành nhiệm vụ sử dụng một trong các tín hiệu ưu tiên theo quy định của pháp luật trong trường hợp làm nhiệm vụ khẩn cấp;
 - đ) Xe ô tô vận tải có mui che và được lắp ghế ngồi trong thùng xe chở lực lượng công an làm nhiệm vụ;
 - e) Xe đặc chủng chở phạm nhân, xe cứu hộ, cứu nạn.
7. Đoàn xe đưa tang.
8. Đoàn xe có xe hộ tống, dẫn đường.

9. Xe ô tô của lực lượng công an, quốc phòng sử dụng vé “Phí đường bộ toàn quốc” theo quy định của Bộ Tài chính về thu phí sử dụng đường bộ.

10. Xe làm nhiệm vụ vận chuyển thuốc men, máy móc, thiết bị, vật tư, hàng hóa đến những nơi bị thảm họa, những vùng có dịch bệnh theo quy định của pháp luật hoặc xe của tổ chức, cá nhân đi làm từ thiện.

11. Xe và phương tiện đi lại của: Thương binh, bệnh binh; hộ nghèo; người khuyết tật; học sinh đi học; cán bộ xã, phường, ấp, khóm đi làm nhiệm vụ.

12. Trẻ em dưới 6 tuổi.

Điều 4. Mức giá tối đa dịch vụ sử dụng cầu đường bộ

1. Mức giá tối đa dịch vụ sử dụng cầu đường bộ áp dụng cả ngày và đêm như sau:

Đơn vị tính: Đồng/lượt

TT	Đối tượng	Mức giá tối đa	Ghi chú
1	Người đi bộ	500	Khuyến khích không thu
2	Người và xe đạp, xe đạp điện	1.000	
3	Người và xe mô tô, xe gắn máy	4.000	
4	Người và xe ô tô từ 4 chỗ đến 8 chỗ ngồi	15.000	
5	Người và xe ô tô từ 9 chỗ đến 16 chỗ ngồi	25.000	
6	Người và xe ô tô trên 16 chỗ đến 30 chỗ ngồi	30.000	
7	Người và xe ô tô từ 31 chỗ ngồi trở lên	40.000	
8	Xe tải có trọng tải đến 2,5 tấn	20.000	
9	Xe tải có trọng tải trên 2,5 tấn đến 5 tấn	30.000	
10	Xe tải có trọng tải trên 5 tấn đến dưới 10 tấn	40.000	
11	Xe tải có trọng tải từ 10 tấn đến dưới 18 tấn; xe chở hàng bằng container 20 feet	65.000	
12	Xe tải có trọng tải từ 18 tấn trở lên; xe chở hàng bằng container 40 feet	95.000	

2. Mức giá trên đã bao gồm thuế giá trị gia tăng, bảo hiểm phương tiện, bảo hiểm hành khách và hàng hóa khi qua cầu.

3. Đối với xe đạp, xe đạp điện, xe mô tô, xe gắn máy được chở 02 người trên xe; đối với xe ô tô chở khách mức giá đã bao gồm hành khách trên xe; đối với ô tô tải mức giá đã bao gồm hàng hóa trên xe.

Điều 5. Điều kiện thu giá dịch vụ sử dụng cầu đường bộ

1. Các cầu đường bộ khi tổ chức thu giá dịch vụ sử dụng theo quy định tại Quyết định này phải có đủ các điều kiện sau đây:

a) Hoàn thành việc xây dựng, nâng cấp công trình theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Hoàn thành các công trình phụ trợ phục vụ việc thu giá dịch vụ sử dụng đường bộ, đầy đủ các loại vé thu, bộ máy tổ chức thu và kiểm soát vé.

2. Đối với 06 cầu dân sinh hiện có trên địa bàn tỉnh (cầu Rạch Ráng, thị trấn Trần Văn Thời; cầu Kênh 3, thị trấn Rạch Gốc; cầu Tân Bằng, xã Tân Bằng; cầu Kênh 7, xã Trí Phải; cầu Sông Trẹm, thị trấn Thới Bình; cầu Sông Trẹm, xã Hồ Thị Kỷ và xã Khánh An) đang hoạt động trên cơ sở áp dụng mức giá cụ thể đối với từng dự án được cơ quan nhà nước có thẩm quyền thống nhất mức thu tại Hợp đồng dự án. Những trường hợp này, để áp dụng giá dịch vụ tối đa nêu trên, các nhà đầu tư, doanh nghiệp phải có văn bản trình các cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét, điều chỉnh giá dịch vụ trên nguyên tắc phải đảm bảo các yếu tố sau:

a) Không vượt mức giá dịch vụ tối đa;

b) Điều chỉnh lại thời gian được thu giá dịch vụ.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Giám đốc Sở Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp với Giám đốc Sở Tài chính triển khai thực hiện Quyết định này; kiểm tra theo quy định của pháp luật đối với các tổ chức, cá nhân được cấp phép đầu tư xây dựng, quản lý và khai thác các cầu trên địa bàn tỉnh Cà Mau. Thường xuyên theo dõi sự biến động của giá cả thị trường để trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh mức giá cho phù hợp với tình hình thực tế của địa phương và theo quy định pháp luật.

2. Đơn vị thu có trách nhiệm:

a) Thực hiện thông báo công khai, niêm yết các thông tin về mức giá, đối tượng thanh toán giá dịch vụ sử dụng cầu đường bộ, đối tượng miễn thu tại nơi bán vé và trạm thu theo quy định của pháp luật;

b) Tổ chức các điểm bán vé thuận tiện cho người điều khiển phương tiện và tránh ùn tắc giao thông;

c) Thực hiện thu, kê khai, nộp, quản lý, sử dụng tiền bán vé theo quy định của pháp luật;

d) Chấp hành các quy định về thanh tra, kiểm tra theo quy định của pháp luật về quản lý giá, giao thông đường bộ, đường thủy nội địa và các quy định của pháp luật có liên quan.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Giao thông vận tải, Tài chính; Cục trưởng Cục Thuế; Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Cà Mau; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

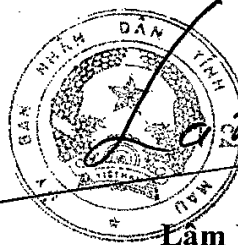
4. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, cá nhân liên quan kịp thời phản ánh bằng văn bản về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Giao thông vận tải) để tổng hợp, báo cáo đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 29/6/2017./.

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Giao thông vận tải;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp (tự kiểm tra);
- LĐVP UBND tỉnh;
- Công Thông tin điện tử Chính phủ;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Phòng: QH-XD (Ng 01/6), TH (Ch);
- Lưu: VT, Tu7.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lâm Văn Bi